

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 226/2019/DSPT

Ngày 26 – 11 – 2019

*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
và Hợp đồng mua bán tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần và bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2019/TLPT-DS ngày 02/10/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất”. Do Bản án sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 253/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2019/QĐ-PT ngày 13/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng CT, địa chỉ: đường Đ, quận, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Trung H, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch chi nhánh EK - Ngân hàng CT Chi nhánh Đ; địa chỉ: Thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Bảo C và bà Phạm Thị N; địa chỉ: Xã XP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị L; Địa chỉ: Xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Nguyễn Văn C1; địa chỉ: Xã KB, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị X. địa chỉ: Xã KB, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị X: Ông Nguyễn Văn T1; địa chỉ: Thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

* **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Lê Bảo C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/6/2015, Ngân hàng CT (viết tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng số 15.56.0057/2015/HĐTD/NHCT502 với ông Lê Bảo C và bà Phạm Thị N. Theo đó, Ngân hàng cho ông C, bà N vay số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) để mua xe ô tô tải, thời hạn vay là 36 tháng. Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng, ông C, bà N có thể chấp 01 xe ô tô BKS47C-106.30, nhãn hiệu THACO, loại xe tải có mui, màu trắng, số khung 400BFC048142, số máy IIC500664BA05, số loại AUMAN, đã được Công an tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008855 ngày 02/6/2015. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông C, bà N đã trả được 04 kỳ, đến kỳ thứ 5 là 10/9/2016 thì ông C, bà N không trả nợ theo đúng lịch, vi phạm hợp đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện để buộc ông C, bà N phải trả số tiền nợ gốc đã quá hạn là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày quá hạn trả nợ gốc từ tháng 8/2016 cho đến ngày ông C, bà N trả hết số tiền vay. Số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử (16/8/2019) là 187.237.639 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng). Trường hợp ông C, bà N không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 21/3/2016, ông C, bà N đã tự ý bán chiếc xe ô tô đã thế chấp cho Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị X khi chưa được sự đồng ý của Ngân hàng. Do đó, đề nghị Tòa án tuyên bố việc mua bán xe ô tô tải giữa ông Lê Bảo C và ông Nguyễn Văn C1 là vô hiệu.

Tại đơn yêu cầu phản tố và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Lê Bảo C và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

* **Về Hợp đồng tín dụng:** Ông C, bà N đồng ý với phần trình bày của Ngân hàng về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích vay, tài sản thế chấp, số tiền đã trả và số tiền gốc và lãi suất còn nợ Ngân hàng. Ông C, bà N cũng thừa nhận, quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông C, bà N đã bán chiếc xe là tài sản thế chấp cho khoản vay cho ông C1, bà X. Sau đó, giữa ông C, bà N với ông C1, bà X phát sinh tranh chấp trong việc mua bán xe ô tô là tài sản thế chấp nên ông C, bà N không trả được tiền vay và lãi đúng hạn. Hiện tại, ông C, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh từ ngày quá hạn trả nợ gốc tháng 8/2016 cho đến nay. Ông C, bà N Đồng ý giao tài sản thế chấp để xử lý khoản nợ theo quy định

pháp luật.

** Về Hợp đồng mua bán xe ô tô với ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị X:*

Ngày 21/3/2016, ông C, bà N đã bán chiếc xe ô tô tải mang BKS 47C – 106.30 cho ông C1, bà X với giá 870.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi triệu đồng). Các bên thỏa thuận: 350.000.000 đồng là tiền cọc, 520.000.000 đồng là tiền ông C1 trả tiền vay, lãi cho Ngân hàng, vì xe ô tô trên đang thế chấp tại Ngân hàng. Hai bên thỏa thuận, cứ ngày 30 hàng tháng kể từ tháng 3/2016 ông C1, bà X phải có trách nhiệm đưa tiền cho ông C để ông C trả gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng. Nếu không đóng tiền đúng hạn thì ông C1, bà X phải giao lại xe ô tô cho ông C, trường hợp có tai nạn, hỏng hóc thì ông C1, bà X phải chịu trách nhiệm sửa chữa để xe hoạt động.

Tổng số tiền mà ông C1, bà X đặt cọc để mua xe là 250.000.000 đồng, trong đó: Ngày 21/03/2016, ông C1, bà X giao 240.000.000 đồng; Ngày 28/03/2016 khi hai bên tiến hành bàn giao xe ô tô thì ông C1, bà X giao tiếp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Các bên thỏa thuận số tiền 100.000.000 đồng tiền cọc còn lại giao sau đó 15 ngày. Nhưng sau đó xe ô tô gây tai nạn ở tỉnh Hải Dương nên ngày 02/04/2016, hai bên thỏa thuận khi nào xe ô tô vào tới xã XP, huyện EK thì ông C1, bà X mới giao 100.000.000 đồng còn lại, nên hai bên mới lập 01 Giấy thỏa thuận Hợp đồng dịch vụ tai nạn thể hiện nội dung khi nào xe ô tô tải vào tới Đắc Lắc thì mới tiếp tục giao 100.000.000 đồng như giấy đặt cọc, có thể hiện nội dung “Tôi Nguyễn Văn C1 phải chịu 100 triệu đồng tai nạn” nên số tiền 100 triệu đồng này không phải tiền đặt cọc mua xe ô tô. Đến ngày 02/07/2016, ông C1, bà X đã giao đủ 100 triệu đồng cho ông Lê Bảo C.

Về số tiền 520.000.000 đồng: Ngày 06/7/2016, anh Nguyễn Văn S (con trai ông C1) giao cho ông C 70.000.000 đồng; Ngày 06/08/2016, ông C1 giao tiếp cho ông C 4.000.000 đồng (thể hiện ở Giấy viết tay ngày 06/08/2016). Tổng cộng ông C đã nhận 424.000.000 đồng (gồm 350.000.000 đồng tiền cọc và 74.000.000 đồng để đóng tiền Ngân hàng).

Đối với tiền bảo hiểm thân vỏ: Ông C1, bà X đã đưa ông C 17.000.000 đồng, nhưng vì tiền bảo hiểm thân vỏ là 20.000.000 đồng nên ông C cho ông C1 mượn thêm 3.000.000 đồng. Việc ông C1 có yêu cầu ông C, bà N phải trả số tiền là 441.000.000 đồng, trong đó là bao gồm 17.000.000 đồng tiền bảo hiểm thân vỏ này thì ông C, bà N không đồng ý, vì số tiền đóng bảo hiểm này có giá trị trong 01 năm, mà trong 01 năm ông C1 sử dụng xe ô tô để lưu thông trên đường nên ông C1 có trách nhiệm trả khoản tiền này.

Sau khi bán xe cho ông C1 thì ngày 02/04/2016, xe ô tô tải do ông Nguyễn Văn C1 thuê anh Lê Văn H1 điều khiển chở đưa hấu từ Miền Tây ra Hải Dương gây tai nạn ở tỉnh Hải Dương. Việc thuê anh H1 có giấy tờ kèm theo Giấy bàn giao xe ô tô tải lập ngày 28/03/2016, được viết sau Giấy đặt cọc ngày

21/03/2016. Sau đó, ông C đã bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền 143.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu đồng).

Do đó, ông C có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án:

+ Hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa ông C, bà N với ông C1, bà X do vô hiệu; đồng thời buộc ông C1, bà X phải trả lại xe ô tô BKS 47C-10630 cho ông C, bà N như hiện trạng ban đầu, nếu hao mòn thì ông C1 phải bồi thường giá trị hao mòn;

+ Không đồng ý trả số tiền cọc 250.000.000 đồng đã nhận, yêu cầu ông C1 trả tiếp 100.000.000 đồng tiền cọc;

+ Yêu cầu ông C1 trả số tiền 100.000.000 đồng tiền bồi thường xảy ra tai nạn mà ông C đã bồi thường trước đó;

+ Yêu cầu ông C1 phải bồi thường số tiền mất thu nhập vì không khai thác sử dụng xe kinh doanh từ 28/3/2016 đến 28/3/2017 là 673.920.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C rút một phần yêu cầu phản tố đối với nội dung yêu cầu ông C1 phải bồi thường số tiền mất thu nhập vì không khai thác sử dụng xe kinh doanh từ 28/3/2016 đến 28/3/2017 là 673.920.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị N trình bày: Bà N đồng ý với phần trình bày của ông Lê Bảo C, không có ý kiến gì thêm.

Tại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập và quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1 và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đức D trình bày:

Ngày 21/3/2016, ông C1, bà X đã mua chiếc xe ô tô tải mang BKS 47C – 106.30 của ông C, bà N với giá 870.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi triệu đồng). Trong đó, hai bên thỏa thuận tiền cọc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), số tiền 520.000.000 đồng còn lại ông C1, bà X sẽ trả theo hàng tháng, hàng quý để ông C có trách nhiệm trả tiền thế chấp xe ô tô cho Ngân hàng. Và hai bên đã lập 01 Giấy đặt cọc mua xe ô tô ngày 21/03/2016.

Về số tiền đặt cọc 350.000.000 đồng: Ngày 21/03/2016, vợ chồng ông C1 đã giao số tiền cọc là 250.000.000 đồng và ngày 02/07/2016 giao tiếp 100.000.000 đồng tiền cọc cho ông C, bà N. Tổng cộng hai lần đã giao đủ 350.000.000 đồng.

Lý do ngày 02/07/2016 mới giao tiếp 100 triệu đồng là vì ngày 02/04/2016 xe ô tô gây ra tai nạn nên ngày 02/04/2016 hai bên đã lập 01 Giấy thỏa thuận rằng khi nào xe ô tô vào tới Đắc Lắc thì mới giao 100 triệu đồng đặt cọc còn lại. Căn cứ vào Giấy thỏa thuận ngày 02/04/2016 và Giấy tay ngày 02/07/2016 thì hai bên bàn giao xe ô tô vào ngày 02/07/2016 khi phía nguyên đơn giao đủ số tiền 100.000.000 đồng tiền cọc còn lại, chứ không phải ngày 28/3/2016 như ông C trình bày.

Về số tiền 520.000.000 đồng: Vào ngày 06/7/2016, ông Nguyễn Văn S đã giao số tiền 87.000.000 đồng gồm có: 70.000.000 đồng trả tiền vay Ngân hàng, 17.000.000 đồng để đóng bảo hiểm thân vỏ, có mượn thêm của ông C 3.000.000 đồng để đủ 20.000.000 đồng như ông C trình bày. Ngày 06/08/2016, ông C1 đã giao 4.000.000 đồng cho ông C để nộp tiền Ngân hàng thể hiện ở Giấy viết tay ngày 06/08/2016.

Về tai nạn xảy ra ngày 02/4/2016, tại Hải Dương: Vào ngày 02/04/2016 xe ô tô tải do anh Lê Văn H1 điều khiển chở dưa hấu từ Miền Tây ra Hải Dương gây tai nạn ở tỉnh Hải Dương. Chuyến hàng này là của ông Nguyễn Văn C1, thuê anh H1 là tài xế. Việc thuê tài xế hai bên chỉ nói miệng với nhau. Đối với số tiền mà ông C đã bồi thường trách nhiệm dân sự, thì ông C1 cho rằng cho rằng đây là lỗi của tài xế, trách nhiệm phát sinh tài xế phải là người chịu, ông C là bố của anh H1 nên ông C phải chịu khoản chi phí này.

Tuy nhiên, tại đơn yêu cầu độc lập ngày 06/11/2018, ông Nguyễn Văn C1 lại cho rằng: Ngày 21/3/2016, vợ chồng ông C1 có thỏa thuận việc mua bán xe chiếc xe ô tô tải BKS 47 – 10630 của ông Lê Bảo C với số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), ông C1 đã đặt cọc cho ông Lê Bảo C số tiền 250.000.000 đồng. Ngày 04/4/2016, vợ chồng ông C1 giao tiếp 100.000.000 đồng còn lại. Ngay lúc đó con trai ông C1 là Nguyễn Văn S có đi theo xe của anh Lê Văn H1 (con trai ông Lê Bảo C), cùng với anh Triệu Văn C2 – con rể ông C, mục đích là đi cùng để chuyển giao hàng cũng như khảo sát đường đi. Nhưng chuyến hàng đi ra bắc đầu tiên gặp tai nạn, nên vợ chồng ông C1 và ông C thỏa thuận lại với nhau là khi nào xe ô tô từ bắc vào thì vợ chồng ông C1 phải trả số tiền 350.000.000 đồng (theo Giấy thỏa thuận ngày 02/4/2016). Đến ngày 02/7/2016, thì vợ chồng ông C1 đã giao đủ số tiền 100.000.000 đồng như thỏa thuận. Nhưng khi vợ chồng ông C1 tới nhận cà vẹt, và chuẩn bị làm giấy tờ có sổ khung thì ông C cho rằng xe đã thế chấp ngân hàng, buộc vợ chồng ông C1 phải trả tiền thay ông C và làm lại giấy tờ thỏa thuận mua xe với giá 870 triệu đồng, tất cả các giấy tờ lùi lại ngày 21/3/2016, nếu không làm theo thì ông C sẽ để Ngân hàng lấy xe đi, ông C1 sẽ mất hết tiền đã đưa cho ông C. Do không hiểu pháp luật nên vợ chồng ông C1 chấp nhận làm theo. Ngày 06/7/2016, anh Nguyễn Văn S đã giao số tiền 70.000.000 đồng và ngày 06/08/2016, ông C1 đã giao 4.000.000 đồng cho ông C để nộp tiền Ngân hàng thể hiện ở Giấy viết tay ngày 06/08/2016 để ông C đóng tiền gốc và lãi ngân hàng và đưa cà vẹt gia hạn cho ông C1. Ông C không chịu đưa cà vẹt mà ép ông C1 phải chịu 70% thiệt hại, ông C1 thỏa thuận là từ từ sẽ trả, nhưng ông C không chịu mà đòi đưa tiền ngay. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C1 đã rút đơn khởi kiện và làm đơn gửi cơ quan công an, nhưng cơ quan công an đã xem xét và thông báo đây là vụ án dân sự nên gia đình ông C1 làm đơn yêu cầu độc lập, đề nghị TAND huyện

EaKar hủy hợp đồng mua bán xe ô tô giữa ông C1 và ông Lê Bảo C, buộc ông C trả ông C1 số tiền 441.000.000 đồng, và tính lãi suất từ thời gian giao tiền cho đến nay theo lãi suất ngân hàng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 127, 128, Khoản 4 Điều 348, Điều 351, Điều 355 Bộ luật Dân sự 2005. Căn cứ Khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CT.

Buộc ông Lê Bảo C và bà Phạm Thị N phải trả Ngân hàng là 450.000.000 đồng, và số tiền lãi suất tính từ ngày vi phạm (10/8/2016) đến (ngày 16/8/2019) là 187.237.639 đồng, và lãi suất phát sinh từ ngày 17/8/2019 đến khi trả nợ xong tính theo Hợp đồng tín dụng số 15.56.0057/2015/HĐTD/NHCT502 ngày 05/6/2015.

Trong trường hợp đến hạn mà vợ chồng ông C, bà N không trả được nợ thì tài sản thế chấp là (01) xe ô tô nhãn hiệu THACO, loại xe tải có mui, màu trắng, BKS 47C – 106.30, số khung 400BFC048142, số máy IIC500664BA05, số loại AUMAN, đã được Công an tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008855 ngày 02/6/2015 cho chủ sử dụng ông Lê Bảo C, được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 15.56.0057/2015/HĐTC ngày 05/6/2015, được bán đấu giá theo quy định pháp luật và ưu tiên thanh toán cho nguyên đơn. Nếu bị đơn đã thanh toán đủ nợ gốc và lãi thì phía nguyên đơn phải giải chấp tài sản thế chấp cho bị đơn.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Bảo C và một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C1 về việc tuyên Hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 21/3/2016 đối với xe ô tô nhãn hiệu THACO, biển số đăng ký 47C – 106.30 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008855 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/6/2015 cho chủ sử dụng ông Lê Bảo C là vô hiệu. Buộc ông C bà N có trách nhiệm trả lại cho ông C1, bà X số tiền đã nhận là 424.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Đối với tài sản xe ô tô BKS 47C – 106.30 đang bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “ Kê biên tài sản đang tranh chấp” tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện EaKar theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số

02/2018/QĐ – BPKCTT ngày 23/10/2018 của TAND huyện EaKar để đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Bảo C về việc ông C1 trả số tiền 100.000.000 đồng tiền bồi thường tai nạn, buộc ông C1 phải trả lại ông C 31.335.000 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Bác yêu cầu phản tố của ông Lê Bảo C về việc ông C1 phải trả tiếp 100.000.000 đồng tiền cọc theo Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 21/3/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chí phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2019, bị đơn ông Lê Bảo C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn ông Lê Bảo C giữ nguyên yêu cầu phản tố và nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi đáng giá, nhận định, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Ông C1 đã biết các giấy tờ xe ông C đang thế chấp tại Ngân hàng nhưng vẫn đồng ý mua xe và đã nhận xe sử dụng từ tháng 3/2016 đến tháng 10/2018. Giá trị xe đã giảm sút từ 870.000.000 đồng xuống còn là 550.000.000đ. Lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu là như nhau nên mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ thiệt hại tương đương với số tiền 160.000.000đ. Ông C1 đã trả cho ông C được 424.000.000đ, các bên đã thực hiện được $\frac{1}{2}$ hợp đồng. Nên ông C1 phải có trách nhiệm trả cho ông C số tiền 80.000.000đ mới phù hợp. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu buộc ông C1 phải trả số tiền 115.000.000đ và yêu cầu ông C1 phải bồi thường số tiền mất thu nhập vì không khai thác sử dụng xe kinh doanh từ ngày 28/3/2016 đến ngày 28/3/2017 là 673.920.000đ. Nhưng tòa sơ thẩm không đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông C là vi phạm điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên cần sửa án theo hướng đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông C.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Lê Bảo C. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk về phần xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu như đã phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CT (viết tắt là Ngân hàng), thì thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 15.56.0057/2015/HĐTD/NHCT502 ngày 05/6/2015 giữa Ngân hàng với ông Lê Bảo C và bà Phạm Thị N và quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận: Ngày 05/6/2016, ông C, bà N vay Ngân hàng số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); Mục đích vay là để mua xe ô tô tải; Thời hạn cho vay là 36 tháng; Để đảm bảo khoản vay nói trên, ông C, bà N thế chấp cho Ngân hàng 01 xe ô tô nhãn hiệu THACO, biển kiểm soát 47C-106.30 theo Hợp đồng thế chấp số 15.56.0057/2015/HĐTC ngày 05/6/2015. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông C, bà N đã vi phạm hợp đồng về thời hạn trả nợ và tự ý bán tài sản thế chấp. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C, bà N phải trả số nợ gốc 450.000.000 đồng và 187.237.639 đồng tiền lãi, tính đến ngày 17/8/2019, ông C, bà N tiếp tục chịu lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo. Trường hợp ông C, bà N không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là hoàn có căn cứ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét Hợp đồng mua bán xe ô tô 47C-10630 giữa ông Lê Bảo C và ông Nguyễn Văn C1, bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu là có căn cứ. Bởi lẽ:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng thỏa thuận mua xe ô tô 47C-10630 ngày 21/3/2016, Giấy cọc mua xe ô tô ngày 21/3/2016 giữa ông Lê Bảo C và ông Nguyễn Văn C1, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án, xác định được: Ngày 21/3/2016, ông Lê Bảo C và ông Nguyễn Văn C1 thỏa thuận lập hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-10630 với giá 870.000.000 đồng, theo đó ông C1 đã trả tiền cọc là 350.000.000 đồng, 520.000.000 đồng còn lại ông C1, bà X có trách nhiệm thay ông C trả tiền vay và lãi suất còn nợ cho Ngân hàng vào ngày 30 hàng tháng. Tuy nhiên, tại thời điểm xác lập Hợp đồng, thì chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 47C-106.30 đang được ông C, bà N thế chấp tại Ngân hàng để vay khoản tiền 700.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 15.56.0057/2015/HĐTC ngày 05/6/2015, Ngân hàng không biết việc mua bán giữa các bên, đồng thời, hợp đồng mua bán này được các bên viết giấy tay với nhau, không được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng mua bán xe nêu trên đã vi phạm quy định của pháp luật về cả nội dung và hình thức.

Xét về lỗi dẫn đến hợp đồng mua bán xe vô hiệu: Tại thời điểm xác lập hợp đồng mua bán xe, thì các bên đều biết chiếc xe ô tô 47C-10630 đang được ông C, bà N thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng, nhưng các bên vẫn đồng ý và ký kết hợp đồng khi chưa được sự đồng ý của Ngân hàng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu mỗi bên chịu ½ lỗi. Đồng thời buộc các

bên hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán xe ô tô, ông C1 đã giao đủ số tiền cọc 350.000.000 đồng cho ông C. Cụ thể: Tại “Giấy đặt cọc mua xe ô tô ngày 21/3/2016” các bên thỏa thuận: “*Sẽ giao trước 250.000.000 đồng, đến ngày 04/4/2016 sẽ giao tiếp 100.000.000 đồng còn lại, nếu không đúng hẹn thì hai bên sẽ bàn bạc lại và mất số tiền cọc nói trên*”. Tuy nhiên, sau đó do xe bị tai nạn, ông C1 không thể giao tiền cọc theo đúng thỏa thuận nên ngày 02/4/2016, hai bên thỏa thuận lại thể hiện tại “*Giấy thỏa thuận ngày 02/4/2016*” với nội dung ông C chấp nhận gia hạn cho ông C1, bà X giao số tiền 100.000.000 đồng còn lại khi nào xe về đến xã XP, huyện EK. Ngày 02/7/2016, ông C1 đã trả cho ông C số tiền 100.000.000 đồng tiền cọc và ông C đã nhận đủ số tiền này (thể hiện tại Giấy nhận tiền ngày 02/7/2016 (mặt sau Bút lục 440 do ông Lê Bảo C ký). Do đó, việc ông C cho rằng ông C1 mới trả cho ông số tiền cọc 250.000.000 đồng và buộc ông C1 tiếp tục trả thêm cho ông 100.000.000 đồng tiền cọc còn thiếu là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Đối với số tiền 520.000.000 đồng mà ông C còn nợ Ngân hàng để mua xe ô tô các bên đã thỏa thuận “Vào ngày 30 hàng tháng, ông C1, bà X sẽ thay ông C trả tiền vay và lãi cho Ngân hàng” thì sau khi ký hợp đồng mua bán xe phía ông C1 đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền 74.000.000 đồng, trong đó: Ngày 06/7/2016, anh Nguyễn Văn S đã giao số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 06/08/2016, ông C1 giao tiếp 4.000.000 đồng (thể hiện ở Giấy viết tay ngày 06/08/2016). Do hợp đồng mua bán xe bị vô hiệu nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C hoàn trả lại cho ông C1 số tiền 74.000.000 đồng này là phù hợp.

[2.4] Đối với số tiền 17.000.000 đồng để đóng bảo hiểm thân vỏ, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Căn cứ Giấy bàn giao xe (Mặt sau Bút lục 433) thì sau khi ký hợp đồng, ngày 28/3/2016 ông C đã bàn giao xe cho ông C1; Căn cứ vào Giấy báo có ngày 07/07/2016 (BL 239) thể hiện ông C đã đóng 19.960.000 đồng nộp phí bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm là 06/6/2016 đến ngày 06/7/2017 (BL 238). Thời gian đóng bảo hiểm thì ông C1 đã nhận xe và đưa vào sử dụng nên ông C1 phải có trách nhiệm trả đối với số tiền đóng bảo hiểm là phù hợp. Do đó, yêu cầu độc lập của ông C1 về việc buộc ông C phải trả lại số tiền 17.000.000 đồng mà ông C1 đã đóng là không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền mà ông C đã nhận của ông C1 từ việc mua bán xe ô tô 47C-10630 là 424.000.000 đồng. Trong đó: 350.000.000 đồng tiền cọc và 74.000.000 đồng tiền trả ngân hàng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C trả lại cho ông C1 số tiền 424.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.5] Đối với yêu cầu của ông Lê Bảo C về việc yêu cầu ông C1 phải bồi thường giá trị hao mòn và yêu cầu của ông Nguyễn Văn C1 về việc tính lãi suất

từ thời gian giao tiền cho đến nay theo lãi suất ngân hàng là không có cơ sở, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu nêu trên của ông C và ông C1 là phù hợp.

[3] Đối với yêu cầu tiền bồi thường tai nạn xảy ra ngày 02/4/2016 tại quốc lộ 38, thuộc địa phận thôn BH, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương, thì thấy rằng: Lời khai của các đương sự, Biên bản xác minh ngày 18/10/2017 của TAND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (BL 283) xác định được: Sự việc tai nạn xảy ra ngày 02/4/2016 tại quốc lộ 38, thuộc địa phận thôn BH, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương, do anh Lê Văn H1 (người điều khiển xe ô tô) gây ra. Thời điểm xảy ra tại nạn ông C1 là người quản lý xe (thể hiện tại Giấy bàn giao xe ngày 28/3/2019 – Mặt sau Bút lục 433). Ông C1 là người thuê anh H1 lái xe chở hàng, nên ông C1 và anh H1 phải có trách nhiệm liên đới để bồi thường thiệt hại đối với tai nạn này và theo các tài liệu thu thập được tại Công an huyện Gia Lộc thì anh H1 là người đã đứng ra bồi thường thiệt hại. Việc ông C và anh H1 cho rằng số tiền mà anh H1 sử dụng để bồi thường cho vụ tai nạn là tiền của ông C nên ông C yêu cầu ông C1 phải thanh toán lại số tiền mà ông C đã bồi thường.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này của ông C là quan hệ tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Là một quan hệ pháp luật hoàn toàn độc lập trong vụ án). Lẽ ra, tòa án cấp sơ thẩm cần hướng dẫn cho các đương sự khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác, nhưng Tòa cấp sơ thẩm vẫn thụ lý giải quyết chung cùng một vụ án, nhưng chỉ triệu tập anh H1 lên làm việc, chứ không đưa anh H1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự, là giải quyết vụ án không triệt để. Do vậy, cần hủy một phần Bản án sơ thẩm về phần yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với tai nạn giao thông xảy ra ngày 02/4/2016, giao toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm thì mới khách quan toàn diện.

[4] Theo đơn yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Bảo C có nội dung yêu cầu ông C1 trả tiếp 100.000.000 đồng tiền cọc; trả số tiền 100.000.000 đồng tiền bồi thường xảy ra tai nạn; phải bồi thường giá trị hao mòn xe và bồi thường số tiền mất thu nhập vì không khai thác sử dụng xe kinh doanh từ 28/3/2016 đến 28/3/2017 là 673.920.000 đồng.

Cũng tại đơn yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn C1 có nội dung yêu cầu ông C phải trả cho ông C1 số tiền 441.000.000 đồng (trong đó: 424.000.000 đồng ông C1 trả tiền mua xe và 17.000.000 đồng tiền mua bảo hiểm thân vỏ) và tính lãi suất từ thời gian giao tiền cho đến nay theo lãi suất ngân hàng.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, ông C rút một phần yêu cầu phản tố đối với nội dung yêu cầu ông C1 phải bồi thường số tiền mất thu nhập vì không khai thác sử dụng xe kinh doanh từ 28/3/2016 đến 28/3/2017 là 673.920.000 đồng và

tại Bản án sơ thẩm không chấp nhận đối với các yêu cầu nêu trên của ông C và ông C1. Nhưng, tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm không bác các yêu cầu nêu trên của ông C và ông C1; cũng không đình chỉ giải quyết đối với nội dung yêu cầu phản tố mà ông C đã rút là thiếu sót, nhưng thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Do đó, Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Như đã phân tích tại các mục [1], [2] và [3] Phần nhận định của Tòa án trên thì cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Bảo C, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 309 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự - Hủy một phần Bản án sơ thẩm đối với yêu cầu của ông C về việc bồi thường thiệt hại tai nạn giao thông xảy ra ngày 02/4/2016 tại quốc lộ 38, thuộc địa phận thôn BH, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương và giao toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí sơ thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị hủy một phần, nên cần sửa lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp. Riêng phần án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông Lê Bảo C về việc bồi thường thiệt hại đối với tai nạn giao thông xảy ra ngày 02/4/2016 tại quốc lộ 38, thuộc địa phận thôn BH, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên ông Lê Bảo C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 309 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Bảo C – Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DSST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 127, 128, Khoản 4 Điều 348, Điều 351, Điều 355 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CT: Buộc ông Lê Bảo C và bà Phạm Thị N phải trả cho Ngân hàng là tiền nợ gốc là 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*), và tiền lãi tính từ ngày vi phạm 10/8/2016 đến ngày 16/8/2019 là 187.237.639đ (*Một trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng*). Ông C, bà N tiếp tục chịu lãi suất

phát sinh tính từ ngày 17/8/2019 cho đến khi trả nợ xong, theo Hợp đồng tín dụng số 15.56.0057/2015/HĐTD/NHCT502 ngày 05/6/2015.

Trường hợp vợ chồng ông C, bà N không trả được nợ thì tài sản thế chấp là (01) xe ô tô nhãn hiệu THACO, loại xe tải có mui, màu trắng, BKS 47C – 106.30, số khung 400BFC048142, số máy IIC500664BA05, số loại AUMAN, được Công an tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008855 ngày 02/6/2015 cho chủ sử dụng ông Lê Bảo C, đã chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 15.56.0057/2015/HĐTC ngày 05/6/2015, được bán đấu giá theo quy định pháp luật và ưu tiên thanh toán cho nguyên đơn. Nếu bị đơn đã thanh toán đủ nợ gốc và lãi thì phía nguyên đơn phải giải chấp tài sản thế chấp cho bị đơn.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Bảo C về việc tuyên Hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 21/3/2016 đối với xe ô tô nhãn hiệu THACO, biển số đăng ký 47C – 106.30 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008855 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/6/2015 cho chủ sử dụng ông Lê Bảo C là vô hiệu.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Bảo C về việc ông C1 phải trả tiếp 100.000.000 đồng tiền cọc theo Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 21/3/2016 và yêu cầu ông C1 phải bồi thường hao mòn đối với chiếc xe ô tô 47C – 106.30.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C1 phải bồi thường số tiền mất thu nhập do không khai thác, sử dụng xe từ ngày 28/3/2016 đến ngày 28/3/2018 là 673.920.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C1 về việc tuyên Hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 21/3/2016 đối với xe ô tô nhãn hiệu THACO, biển số đăng ký 47C – 106.30 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008855 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/6/2015 cho chủ sử dụng ông Lê Bảo C là vô hiệu. Buộc ông Lê Bảo C và bà Phạm Thị N có trách nhiệm trả lại cho ông C1, bà X số tiền đã nhận là 424.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông C1 đối với yêu cầu buộc ông C phải trả số tiền 17.000.000 đồng mà ông C1 đã đóng bảo hiểm cho

xe ô tô 47C – 106.30 và yêu cầu trả lãi suất đối với số tiền ông C1 đã trả tiền mua xe ô tô cho ông C.

4. Hủy một phần bản án sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Bảo C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C1 phải trả số tiền bồi thường tai nạn 100.000.000 đồng mà ông C bồi thường đối với tai nạn xảy ra ngày 02/4/2016 tại quốc lộ 38, thuộc địa phận thôn BH, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Giao hồ sơ vụ án lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

5. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Ngân hàng CT chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí thẩm định và định giá đã nộp theo Phiếu thu ngày 23/11/2018.

- Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Ông Nguyễn Văn C1 phải chịu toàn bộ chi phí giám định số tiền là 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định mà ông Nguyễn Văn T1 – người đại diện theo ủy quyền của ông C1 đã đóng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Bảo C, bà Phạm Thị N phải chịu 29.489.500 đồng tiền án phí DSST có giá ngạch đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Công thương được chấp nhận và 20.960.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C1 được chấp nhận và 150.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông C, bà N phải nộp là 50.599.500 đồng.

Ngoài ra, ông Lê Bảo C phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí DSST có giá ngạch đối với yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận.

Ông C được khấu trừ 18.133.380 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2016/0002979 vào ngày 22/8/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị X phải chịu 850.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận và 150.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Được khấu vào số tiền 10.512.500 đồng mà ông Nguyễn Văn T1 đã nộp tạm ứng án phí thay theo biên lai thu số AA/2017/0004696 vào ngày 12/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả lại cho ông C1 số tiền 9.512.500 đồng còn lại.

+ Trả lại cho Ngân hàng CT số tiền 11.150.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2014/0036673 vào ngày 23/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Bảo C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông C số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2017/0013334 ngày 29/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện EK;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh